

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2018.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Mai Khương.

2. Ông Tô Văn Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Phương D, sinh năm: 1985

- *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc T, sinh năm: 1982

Cùng trú tại: Tổ 16, thôn 6, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Chị D có mặt, anh T đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị Phương D trình bày:

Chị và anh Phạm Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào năm 2015. Sau khi cưới nhau vợ chồng chị sống hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng chị thường xuyên đánh đập vợ con, ăn chơi, cờ bạc không lo cho gia đình. Chị D đã nhiều lần khuyên can nhưng chồng chị vẫn không thay đổi tính tình. Vợ chồng anh chị đã ly thân nhau gần nửa năm. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Phạm Ngọc T.

- Về con chung: Chị D khai vợ chồng chị có 02 con chung tên là:

1. Phạm Ngọc Hoàng T1, sinh ngày: 04/02/2016.

2. Phạm Ngọc Như Y, sinh ngày: 22/10/2017.

Nguyên vọng của chị D nếu ly hôn xin được nuôi hai cháu T1 và Y. Chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là cháu T1 mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị D khai vợ chồng không nợ ai.

* Bị đơn anh Phạm Ngọc T không đến Tòa án, không có bản tự khai, không có lời trình bày tại biên bản hòa giải. Tòa án đã niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai cháu T1 và Y cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và không làm thay đổi, ảnh hưởng môi trường sống của các cháu. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về cấp dưỡng nuôi con, anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Phạm Ngọc T cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Phạm Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý lại vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đã tổng đạt đến người nhà của bị đơn, niêm yết tại nhà bị đơn và tại UBND xã B, huyện T nơi bị đơn cư trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị Phương D và anh Phạm Ngọc T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận

kết hôn số 88, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 24/7/2015. Sau khi kết hôn, chị D xác định vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo lắng cho gia đình, chơi bời cờ bạc, về nhà đánh đập vợ con. Chị D đã cố gắng chịu đựng và khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi. Sau đó vợ chồng anh chị sống ly thân nhau hơn nửa năm nay, vợ chồng phân ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án muốn tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống, làm ăn nuôi con. Nhưng anh T không đến tòa án để hòa giải. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Phương D xin được ly hôn với anh Phạm Ngọc T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị D anh T có 02 con chung tên là: Phạm Ngọc Hoàng T1, sinh ngày: 04/02/2016 và Phạm Ngọc Như Y, sinh ngày: 22/10/2017. Nguyên vọng của chị D nếu ly hôn xin được nuôi cả hai cháu T1 và Y vì hiện nay các cháu còn quá nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ. Chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là cháu T1 mỗi tháng 1.500.000 đồng. Do bị đơn anh Phạm Ngọc T vắng mặt nên không thể biết nguyện vọng của anh T có muốn nuôi con hay không. Hơn nữa thời gian vừa qua khi anh chị sống ly thân với nhau các cháu sống với chị D và vẫn phát triển tốt. Chị D có nghề nghiệp, được sĩ trung cấp, có cửa hàng thuốc tây riêng. Chị D có thu nhập ổn định và đảm bảo thời gian chăm sóc các con tốt hơn. Theo đề nghị của Kiểm sát viên và cuộc sống hiện tại của các cháu. Hội đồng xét xử giao hai cháu Phạm Ngọc Hoàng T1 và Phạm Ngọc Như Y cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Ngọc Hoàng T1, sinh ngày: 04/02/2016 mỗi tháng 1.500.000 đồng vì anh T có nghề lái xe tải, có thu nhập cao. Xét thấy yêu cầu của chị D là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh Phạm Ngọc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu T1 cùng chị D mỗi cháu tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2018 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: Chị D không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị D khai vợ chồng không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ngô Thị Phương D phải chịu số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được tính

trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu số 0020603 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam. Anh Phạm Ngọc T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định tại các Điều 146; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Ngô Thị Phương D. Chị Ngô Thị Phương D được ly hôn với anh Phạm Ngọc T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao các cháu Phạm Ngọc Hoàng T1, sinh ngày: 04/02/2016 và Phạm Ngọc Như Y, sinh ngày: 22/10/2017 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phạm Ngọc T phải cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Ngọc Hoàng T1 cùng chị D mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2018 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị D có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, nếu anh T không chịu thi hành thì hàng tháng anh T còn phải chịu trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị D khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ngô Thị Phương D phải chịu số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu số 0020603 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Anh Phạm Ngọc T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND xã B;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Phùng Thành